

Số: 02 /2018/QĐ-UBND

Sơn Hà, ngày 09 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 05/BC-PTP ngày 05 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện, các thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện; Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc và hội đoàn thể huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Thanh Hương

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2018/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền xét khen thưởng, đề nghị khen thưởng; tuyển trình khen thưởng; Hội đồng Thi đua, khen thưởng; Hội đồng Sáng kiến; Quỹ Thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn huyện Sơn Hà.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình và cá nhân tham gia các phong trào thi đua, đạt được thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức, Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo và phát động phong trào thi đua trên địa bàn toàn huyện; xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của huyện.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về chủ trương, nội dung, kế hoạch, tổ chức phát động phong trào thi đua, công tác tuyên truyền, biện pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; việc phân chia các khối, cụm thi đua của huyện, số lượng Cờ thi

đua, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các khối, cụm thi đua; công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các tập thể, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, các hội, đoàn thể, khối trưởng, cụm trưởng và thành viên các khối, cụm thi đua chịu trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức phát động phong trào thi đua, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia. Giám sát, kiến nghị giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua và chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng của các cấp chính quyền.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn huyện có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thi đua, khen thưởng, thường xuyên cổ vũ các phong trào thi đua. Phát hiện nêu gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, phổ biến những cách làm hay, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp và của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp người đứng đầu tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện khen thưởng đúng quy định.

Điều 6. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định cụ thể của Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện tại Công văn số 1127/UBND-NV ngày 06/9/2016.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm theo tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Tỷ lệ cá nhân được xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp có số dư từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và được xét, đề nghị vào năm cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba (liên tục).

Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” không quá 15% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 10%) trong tổng số cá nhân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 cá nhân thì được đề nghị tối đa 01 cá

nhân, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 cá nhân.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ 2 (liên tục). Hồ sơ gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày 15 tháng 10 hàng năm.

Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003. Nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn khá” trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 và tiêu biểu nhất trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”.

Đối tượng và tỷ lệ xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban và đơn vị tương đương trực thuộc cấp huyện; các đơn vị trường học; tập thể cán bộ công chức của các xã, thị trấn.

b) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã và tương đương.

c) Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hàng năm không quá 30% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 15%) trong tổng số tập thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nếu tính tỷ lệ % không đủ 01 tập thể thì được đề nghị tối đa 01 tập thể, nếu có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 tập thể.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các điều kiện sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thuộc các khối, cụm thi đua do Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện tổ chức. Nếu có tổ chức Đảng phải đạt “Trong sạch, vững mạnh”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”.

b) Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải được thông qua việc chấm điểm, bình xét, đánh giá, so sánh, suy tôn của các thành viên trong khối, cụm thi đua và phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của các thành viên trong khối, cụm thi đua.

c) Trường hợp tập thể được khối, cụm thi đua bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” nhưng Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện bỏ phiếu kín không đạt tỷ lệ đồng ý theo quy định thì tùy từng trường hợp, Hội

đồng có thể xem xét, đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn (bằng khen).

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, đối với đơn vị sản xuất kinh doanh thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, vệ sinh môi trường,... mới được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua.

Trường hợp tập thể được khối, cụm thi đua bầu chọn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện bỏ phiếu kín không đạt tỷ lệ đồng ý theo quy định thì tùy từng trường hợp, Hội đồng có thể xem xét, đề nghị khen thưởng ở mức thấp hơn (Cờ thi đua hoặc bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 8. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”

Việc xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 9. Giấy khen

1. Giấy khen được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tỷ lệ tặng giấy khen của UBND huyện hàng năm cho cá nhân không quá 30% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 20%) trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “*Lao động tiên tiến*”. Nếu tính tỷ lệ % có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 cá nhân.

3. Tỷ lệ tặng giấy khen của UBND huyện hàng năm cho tập thể không quá 30% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không quá 20%) trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “*Tập thể Lao động tiên tiến*” trở lên. Nếu tính tỷ lệ % có số dư từ 0,5 trở lên thì được đề nghị thêm 01 tập thể.

Điều 10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tỷ lệ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân đạt thành tích hàng năm, thực hiện theo quy định tại Điều 12, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3. Khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng, thành tích cao

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND

ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 11. Huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

a) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định tặng bằng khen; “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình UBND tỉnh đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, các loại Huân chương, Huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước cho tập thể, cá nhân (trừ danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”).

c) Quyết định tặng giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quyết định tặng giấy khen và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định; tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý của cấp xã.

3. Các trường hợp khác được giải quyết như sau: Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã thì cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc đề nghị cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

4. Người đứng đầu cấp có thẩm quyền được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 điều này chịu trách nhiệm về quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp mình và việc đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với đối tượng thuộc quyền quản lý.

5. Cơ quan, bộ phận có chức năng tham mưu về thi đua, khen thưởng các

cấp chịu trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến hiệp y, xác nhận của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và trình cấp có thẩm quyền quyết định các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 13. Quy định về tuyển trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 14. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp y, xác nhận của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân do Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện thực hiện (tùy theo đối tượng).

2. Nội dung lấy ý kiến hiệp y, xác nhận gồm: Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể; việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện chế độ bảo hiểm cho người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm,...

3. Khi có văn bản xin ý kiến hiệp y, xác nhận của Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện, sau 05 ngày làm việc (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận công văn đến) cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, quá thời gian nêu trên nếu không có ý kiến trả lời, Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được xin ý kiến hiệp y, xác nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hiệp y, xác nhận.

Điều 15. Quy định về thời điểm nhận hồ sơ, thời gian thẩm định trình khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện (Phòng Nội vụ) nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (huân, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước) thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi trước ngày 20 tháng 02 hàng năm. Hệ thống giáo dục đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng hàng năm (khen thưởng xuyên) gửi trước ngày 20 tháng 02 hàng năm. Hệ thống giáo dục đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ trước ngày tổ chức ít nhất 20 ngày.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với khen thưởng đột xuất, thời gian thẩm định hồ sơ không quá 5 ngày làm việc.

Điều 16. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 17. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua và Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương V

**HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG
SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÁC CẤP**

Điều 18. Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện có 11 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện về công tác thi đua, khen thưởng tại huyện.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

b) Trưởng phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch thường trực. Các Phó Chủ tịch là đại diện lãnh đạo Liên đoàn lao động huyện, đại diện lãnh đạo UBMTTQVN huyện và thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn huyện;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng trên địa bàn;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành và quy định của pháp luật.

5. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng huyện.

Điều 19. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã có từ 11 đến 13 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập, là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng. Các Phó Chủ tịch, thành viên khác và thường trực Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã:

a) Tham mưu cho Chủ tịch ủy ban nhân dân xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn trên địa bàn xã;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng trên địa bàn xã;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp xã hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành và quy định của pháp luật.

Điều 20. Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp

Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định thành lập. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT- BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 21. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng các cấp, ngành,

địa phương, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện theo quy định tại các Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với việc khen thưởng theo đợt (chuyên đề), theo các chương trình mục tiêu, nếu trong chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt có khoản chi cho khen thưởng thì tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí đó.

Điều 22. Sử dụng và quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

1. Nội dung chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm theo các quyết định khen thưởng.

b) Chi nghiệp vụ gồm: In ấn phôi Giấy chứng nhận, Công nhận, Giấy khen, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Cờ thi đua; làm hồ sơ khen thưởng; khung Giấy khen, Bằng khen, giấy ép plastic, máy ép plastic, mực in chuyên dụng; làm hiện vật khen thưởng...

c) Chi công tác phục vụ tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng: Mức trích chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng; Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học; Hội đồng xét duyệt danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước.

- Chi tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho cán bộ đi kiểm tra để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng và một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua; các hoạt động thi đua, khen thưởng khối, cụm.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành. Đối với những khoản chi chưa có trong quy định thì Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng xin chủ trương của UBND huyện trước khi thực hiện.

3. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

a) Quỹ Thi đua, khen thưởng của huyện, Chủ tịch UBND huyện ủy quyền cho Phòng Nội vụ huyện quản lý trực tiếp; Quỹ Thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Quỹ Thi đua, khen thưởng cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng. Trường hợp quỹ thi đua khen thưởng được trích chi không đủ

thì UBND huyện sẽ xem xét cân đối ngân sách huyện để bổ sung theo quy định.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền quyết định khen thưởng thì tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương cấp mình quản lý.

c) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; quyết định khen thưởng danh hiệu Cờ thi đua, Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen hàng năm, chuyên đề và đột xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ Thi đua, khen thưởng của tỉnh.

d) Khen thưởng các chương trình mục tiêu, tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Mức tiền thưởng danh hiệu thi đua và giấy khen

Thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

c) Cá nhân được tặng Giấy khen quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng được kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở;

d) Cá nhân được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được kèm theo mức tiền thưởng 0,15 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở;

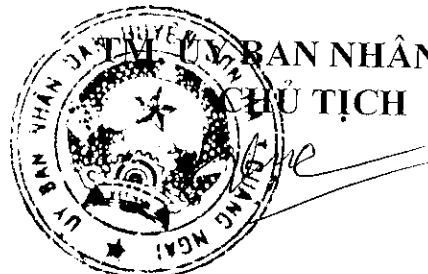
b) Danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

c) Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được kèm theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều này.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các phòng, ban, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Phòng Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh về Phòng Nội vụ để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.


Đinh Thị Thanh Hương